

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao chỉ tiêu diện tích gieo trồng cây vụ Đông 2020 - 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật số 47/2019/QH14 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020;*

*Căn cứ Phương án số 3548/PA-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện về sản xuất vụ Đông 2020 - 2021;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu gieo trồng cây vụ Đông 2020 - 2021 cho các xã, thị trấn như sau:

Tổng diện tích gieo trồng 2.800 ha, gồm: Cây Ngô 1.000 ha (trong đó ngô dày 150 ha, ngô thương phẩm 850 ha); Cây ớt xuất khẩu 85 ha; Cây Khoai tây, cà chua, bí xanh, dưa chuột 65 ha; Khoai lang và rau màu các loại 1.650 ha.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ vào chỉ tiêu diện tích huyện giao tập trung chỉ đạo, quy hoạch vùng diện tích cây vụ Đông triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch diện tích. Hướng dẫn, chỉ đạo nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh diện tích cây trồng vụ Đông để đạt năng suất, sản lượng và hiệu quả cao nhất.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ (thực hiện);
- TV HU, TT HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Phú Quốc**

**PHỤ BIỂU: GIAO CHỈ TIÊU GIÉO TRỒNG CÂY VỤ ĐÔNG 2020 - 2021***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện)*

TT	Tên xã	Tổng KH DT vụ đông 2020- 2021 (ha)	Cây ngô (ha)			Ốt xuất khẩu	Khoai tây, cà chua, bí xanh, dưa chuột	Khoai lang và rau màu khác
			Tổng	Ngô thương phẩm	Ngô dày			
1	Đồng Thắng	70	20	20		5	5	40
2	Đồng Tiến	70	20	20			5	45
3	Đồng Lợi	60	20	20				40
4	Khuyến Nông	110	30	30		20	5	55
5	Tiến Nông	90	25	25		5	5	55
6	Dân Lý	100	45	15	30	5	5	45
7	Thị trấn Nưa	70	20	20				50
8	Thái Hoà	80	30	10	20			50
9	Vân Sơn	90	30	5	25	10		50
10	Nông Trường	120	45	45		10	5	60
11	An Nông	60	20	20				40
12	Thị trấn T.Sơn	115	40	40			5	70
13	Minh Sơn	65	20	20				45
14	Dân Lực	80	25	25			5	50
15	Dân Quyền	100	40	40				60
16	Xuân Lộc	85	30	30				55
17	Xuân Thịnh	95	35	35			5	55
18	Thọ Vực	125	50	40	10	10	5	60
19	Thọ Phú	140	55	40	15	20	5	60
20	Xuân Thọ	75	25	15	10		5	45
21	Thọ Cường	70	20	20				50
22	Thọ Ngọc	90	45	45				45
23	Thọ Tân	75	30	30				45
24	Thọ Thế	70	25	25				45
25	Thọ Dân	70	25	25				45
26	Thọ Tiến	75	25	25				50
27	Thọ Sơn	70	30	30				40
28	Thọ Bình	100	50	20	30			50
29	Bình Sơn	25	10	10				15
30	Hợp Thắng	75	25	25				50
31	Hợp Thành	60	20	20				40
32	Triệu Thành	85	40	30	10			45
33	Hợp Lý	60	15	15				45
34	Hợp Tiến	75	15	15			5	55
	<b>Cộng</b>	<b>2.800</b>	<b>1.000</b>	<b>850</b>	<b>150</b>	<b>85</b>	<b>65</b>	<b>1.650</b>

